

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 67/2025/DSST.

Ngày: 15-12-2025.

V/v: “*Kiến nghị chấp
hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Dhiều Hmok.
2. Ông Nguyễn Văn Thức.

-Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15/12/2025 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân khu vực 8 mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 77/2025/TLST-DS, ngày 14/10/2025, về việc “*Kiến nghị chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐST-DS ngày 24/11/2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1964. Số CCCD/CMND: 046164004064. Có mặt.

Địa chỉ: TDP Đạt H 2, phường Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 17/7/2025. Có mặt.

Địa chỉ: TDP An B 4, phường Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Bùi Trần Công V, sinh năm 1983. Số CCCD/CMND: 066083006012 và bà Phạm Thị Thu Th, sinh năm 1983. Số CCCD/CMND: 048183005747. Có mặt.

Địa chỉ: TDP Đạt H 2, phường Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Do chỗ quen biết nên ngày 24/5/2022 bà L cho ông V, bà Th vay 50.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, thời hạn trả nợ ngày 24/5/2023.

Đến hạn bà L đến đòi nợ nhiều lần nhưng ông V, bà Th không có thiện chí trả nợ, nay bà L yêu cầu ông V, bà Th phải có nghĩa vụ trả cho bà L toàn bộ số nợ gốc nói trên.

Về lãi suất: Tiền lãi suất ông V, bà Th đã trả đến hết năm 2024, nay bà L yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận là 12%/năm và tính lãi từ ngày 01/01/2025.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Ông V, bà Th thừa nhận vào ngày 24/5/2022 ông V, bà Th ký giấy vay của bà L số tiền là 50.000.000 đồng. Do điều kiện khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ cho bà L. Ông V, bà Th xin hẹn trả cho bà L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ.

Về lãi suất: Ông V, bà Th thừa nhận có thỏa thuận lãi suất 12%/năm, tiền lãi ông V, bà Th đã trả đến hết năm 2024, tại phiên tòa ông V, bà Th đồng ý trả tiền lãi theo thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc bà Võ Thị L khởi kiện ông Bùi Trần Công V, bà Phạm Thị Thu Th tại Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát, sau khi nghiên cứu Kiểm sát viên căn cứ Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự và có Văn bản đề nghị không tham gia phiên tòa, vì vụ án không thuộc trường hợp Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Ngày 24/5/2022 bà L cho ông V, bà Th vay 50.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, thời hạn trả nợ ngày 24/5/2023. Nay ông V, bà Th xin hẹn trả cho bà L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ, nhưng bà L không đồng ý.

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 24/5/2022 do bà L cung cấp và trong quá trình giải quyết vụ án ông V, bà Th cũng đã thừa nhận có ký giấy xác nhận vay bà L số tiền 50.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho bà L. Các bên đương sự đã thừa nhận, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại điều luật này quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên đã xác lập “Hợp đồng vay tài sản” về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ nhưng ông V, bà Th không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại giấy vay tiền các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ và có thỏa thuận lãi, nên đây là HĐ vay có kỳ hạn và có lãi được quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự. “Lãi suất các bên thỏa thuận từ 12%/năm”, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá 20%/năm, nên phần lãi suất được chấp nhận. Lãi suất các bên thống nhất tính từ ngày 01/01/2025 và được tính như sau: Lãi suất được tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/12/2025) là 11 tháng 15 ngày (345 ngày), cụ thể: $[(50.000.000 \text{ đồng} \times 12\%) \times 345 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} = 5.671.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi suất là $(50.000.000 \text{ đồng tiền gốc} + 5.671.000 \text{ đồng tiền lãi}) = 55.671.000 \text{ đồng}$.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận, nên ông V, bà Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L.

Buộc ông Bùi Trần Công V và bà Phạm Thị Thu Th trả cho bà Võ Thị L 55.671.000 đồng (Năm mươi lăm triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng), trong đó 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và 5.671.000 đồng tiền nợ lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông V, bà Th phải chịu 2.783.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho bà L 1.487.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0001895 ngày 09/10/2025.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản bản trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ